

Bản án số: 20/2024/HSST
Ngày 14- 8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa Ông Phan Duy Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Khiếu;
- Ông Hoàng Văn Hội.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên tòa Ông Nông Văn Luyện- Kiểm sát viên.

Ngày 14- 8- 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2024/TLST-HS ngày 06- 7- 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HS ngày 02- 8- 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Huy H; tên gọi khác: Không. Sinh ngày 12 tháng 10 năm 1986 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 4 xã T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn Kh và bà Phạm Thị M (Đều đã chết). Vợ là chị Nguyễn Thị L (Đã ly hôn); bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018 hiện trú tại thôn 4 xã T- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Trần Phong V; tên gọi khác: Không. Sinh ngày 27 tháng 9 năm 1984 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 4 xã T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn Kh và bà Phạm Thị M (Đều đã chết). Vợ là chị Hoàng Thị Th (Đã ly hôn); bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014 hiện trú tại thôn 4 xã T- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Nguyễn Văn Kh; tên gọi khác: Không. Sinh ngày 29 tháng 10 năm 1984 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 4 xã T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn Kh và bà Vũ Thị Nh. Vợ là

chị Lộc Thị Ch; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014. Hiện tại bố mẹ, vợ con bị cáo trú tại xã T- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Hoàng Văn T; tên gọi khác: Không. Sinh ngày 05 tháng 12 năm 1984 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 4 xã T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Nùng. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Văn Th và bà Mông Thị Ph (Đã chết). Vợ là chị Hoàng Thị T; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014. Hiện tại bố, vợ con bị cáo trú tại xã T- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Trần Đình V1; tên gọi khác: Không. Sinh ngày 06 tháng 10 năm 1981 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 4 xã T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 8/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Hán Ng (Đã chết) và bà Cao Thị N. Vợ là chị Trương Thị Hương; bị cáo có ba con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017. Hiện tại mẹ, vợ con bị cáo trú tại xã T- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Trương Văn Đ; tên gọi khác: Không. Sinh ngày 10 tháng 4 năm 1987 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 4 xã T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 5/12. Dân tộc: Nùng. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trương Văn T và bà Nông Thị Th. Vợ là chị Lục Thị Th1; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016. Hiện tại bố mẹ, vợ con bị cáo trú tại xã T- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Hoàng Văn T1; tên gọi khác: Không. Sinh ngày 08 tháng 12 năm 1980 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 3 xã T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 5/12. Dân tộc: Nùng. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Văn Th và bà Mông Thị Ph (Đã chết). Vợ là chị Phạm Thị S; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014. Hiện tại bố, vợ con bị cáo trú tại xã T- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Trần Trường G; tên gọi khác: Không. Sinh ngày 01 tháng 10 năm 1977 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 4 xã T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 6/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Hán Ng (Đã chết) và bà Cao Thị N. Vợ là chị Nguyễn Thị Lý; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2004. Hiện tại mẹ, vợ con bị cáo trú tại xã T- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. Trương Văn H1; tên gọi khác: Không. Sinh ngày 02 tháng 5 năm 1979 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 3 xã T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 4/12. Dân tộc: Nùng. Giới tính: Nam. Tôn giáo:

Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trương Bảo D (Đã chết) và bà Hoàng Thị H. Vợ là chị Mông Thị T; bị cáo có hai con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013. Hiện tại mẹ, vợ con bị cáo trú tại xã T- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

10. Trần Thị Hải N; tên gọi khác: Không. Sinh ngày 08 tháng 3 năm 1982 tại huyện L- tỉnh Y. Nơi cư trú: Thôn 4 xã T- huyện L- tỉnh Y. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn Kh và bà Phạm Thị M (Đều đã chết). Chồng là anh Hoàng Trung S (Đã chết); bị cáo có một con sinh năm 2004 hiện trú tại xã T- huyện L- tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 30 phút ngày 02-02-2024, tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự Công an huyện L phối hợp cùng Công an xã T đang làm nhiệm vụ tại khu vực thôn 4 xã T- huyện L- tỉnh Y phát hiện tại quán Karaoke “H N” thuộc thôn 4 xã T có các đối tượng: Nguyễn Văn Kh, Hoàng Văn T, Trần Đình V1, Trần Phong V, Trương Văn Đ, Trần Trường G, Trần Huy H, Hoàng Văn T1, Trương Văn H1 đang đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh Liêng được thua bằng tiền. Ngo ã ra còn có Trần Thị Hải N là chủ nhà có mặt trong phòng xem các đối tượng đánh bạc. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ các đồ vật liên quan gồm: 52 lá bài tứ lơ khơ; 01 vỏ bài tứ lơ khơ; 01 chiếu nhựa màu vàng đã qua sử dụng.

- Thu giữ tiền có chữ Ng ãn hàng Nhà nước Việt Nam của các cá nhân như sau:
 + Nguyễn Văn Kh 3.020.000đ (ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng);
 + Hoàng Văn T 610.000đ (sáu trăm mười nghìn đồng);
 + Trần Đình V1 200.000đ (hai trăm nghìn đồng);
 + Trần Phong V 470.000đ (bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) tại chiếu bạc và 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) trên người;
 + Trương Văn Đ 500.000đ (năm trăm nghìn đồng);
 + Hoàng Văn T1 1.130.000đ (một triệu một trăm ba mươi nghìn đồng);
 + Trần Trường G 1.790.000đ (một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng);
 + Trần Huy H 725.000đ (bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng);
 + Trương Văn H1 1.365.000đ (một triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).
 Tổng số tiền thu giữ là 13.310.000đ (*Mười ba triệu ba trăm mười nghìn đồng*) gồm nhiều mệnh giá khác nhau được niêm phong theo quy định;

- Ngo ã ra còn thu giữ các đồ vật, t ã sản trên người các đối tượng như sau:
 + Trần Huy H 01 bộ bài tứ lơ khơ màu vàng, một số mặt có chữ No. 1119, chưa qua sử dụng.
 + Hoàng Văn T 01 điện thoại di động kiểu dáng OPPO màu vàng;
 + Trương Văn H1 01 điện thoại di động kiểu dáng OPPO màu đen;

- + Trần Đình V1 01 điện thoại di động kiểu d ăng Iphone m àu x ám;
- + Trần Trường G 01 điện thoại di động kiểu d ăng OPPO m àu xanh;
- + Trần Phong V 01 điện thoại di động kiểu d ăng OPPO m àu t ím;
- + Trần Thị Hải N 01 điện thoại di động kiểu d ăng OPPO m àu xanh;
- + Nguyễn Văn Kh 01 điện thoại di động kiểu d ăng OPPO m àu đen.

Tồn bộ c ắc điện thoại thu giữ nói trên đều l à loại m àn h ình cảm ứng đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

Căn cứ t ại liệu thu thập, ngày 03- 02- 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L thi hành Lệnh khám x ế khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị Hải N tại thôn 4 xã T, qu ă trấn khám x ế không thu giữ đồ vật, t ại liệu g ì

Qu á trình điều tra các đối tượng khai nhận: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 02- 02- 2024, Trần Huy H cùng Trần Trường G đến quán karaoke “H N” thuộc thôn 4 xã T của Trần Thị Hải N chơi. Sau đó Trương Văn H1, Hoàng Văn T1, Nguyễn Văn Kh, Trần Phong V, Trần Đình V1, Hoàng Văn T, Trương Văn Đ đến cùng ngồi chơi, uống nước. Trong khi n ổi chuyện với nhau, Trần Huy H hỏi mượn Trần Thị Hải N phòng hát để đánh bạc. Do có Trần Huy H, Trần Phong V l à em trai ruột, còn lại l à hàng xóm quen biết nên Trần Thị Hải N đồng ý để mọi người đánh bạc trong phòng h ấ. Trước đó, Trần Thị Hải N đã trải sẵn chiếu trong phòng h ấ, Trần Huy H đi mua 02 bộ bài tú lơ khơ, sau đó sử dụng 01 bộ để đánh bạc dưới h ình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền. Các đối tượng cùng thống nhất sau khi đánh bạc xong sẽ trả cho Trần Thị Hải N tiền để phục vụ việc dọn dẹp phòng h ấ và Trần Thị Hải N cũng biết việc đó. Khi các đối tượng đang đánh bạc, Trần Thị Hải N ngồi xem (chưa kết thúc đánh bạc nên Trần Thị Hải N chưa nhận được tiền dọn dẹp phòng h ấ) thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang, thu giữ c ắc vật chứng như đã nêu trên.

Cách thức đánh bạc như sau: Sử dụng 52 quân bài tú lơ khơ để đánh bạc, khi bắt đầu v án, mọi người chơi sẽ phải đặt cược số tiền 10.000đ (mười nghìn đồng), sau đó người làm chương sẽ chia đủ 03 quân bài cho tất cả những người tham gia chơi theo chiều kim đồng hồ. Lúc này, người chơi thấy b ả của m ình có khả năng thắng cao có thể đặt cược thêm. Người đầu tiên chơi sẽ là người chiến thắng ở v án trước. Điểm liêng được tính như sau:

- S ếp: 3 lá b ả có giá trị giống nhau, nếu như hai người chơi đều sở hữu bộ s ếp thì cần so s ánh giá trị quân bài (thứ tự sẽ tăng dần 2, 3, 4 đến Át).

- Liêng: Ba thẻ liêng tiếp với nhau không cùng một bộ. Trong Liêng chấp nhận cả Q, K, Át và Át, 2, 3. Trong đó Q, K và Át được xem l à tổng hợp c ắc bộ liêng có giá trị lớn nhất.

- Liêng Đồng Hoa (tên gọi khác là Đĩ): 3 lá bài có đầu là J, Q, K (hình người) nhưng không phải Liêng, S ếp thì gọi là Đĩ.

- Nếu không thuộc các trường hợp đặc biệt nêu trên thì tính tổng 3 lá b ả lại với nhau. Trong đó 2 - 9 sẽ được t ình theo số điểm bằng giá trị của lá bài tương ứng. Còn 10, J, Q, K sẽ là 0 điểm và Át là 1 điểm.

- Bài trong liêng được tính điểm như sau: 0 nhỏ hơn 1; 1 nhỏ hơn 2 cứ như vậy 8 nhỏ hơn 9; 9 nhỏ hơn đĩ; đĩ nhỏ hơn liêng; liêng nhỏ hơn s ếp.

Căn cứ vào cách tính điểm liêng như trên người chơi sẽ có sự lựa chọn là Bỏ, theo v à t ố. Người thắng cuộc sẽ nhận được số tiền đã đặt cược v à tiền t ố.

Quá trình điều tra các đối tượng khai mang tiền đi theo và sử dụng v ào mục đích đánh bạc nhưng có người được, có người thua, số tiền lu ờn lu ờn chuyển từ đối tượng này sang đối tượng kh ảc. Số tiền 9.810.000 thu giữ tr ên chiếu bạc khi bắt quả tang là số tiền các đối tượng sử dụng đ ể đánh bạc. Số tiền thu giữ tr ên người Trần Phong V 3.500.000 đồng xác định mục đích Vũ dùng đ ể đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền thu giữ các đối tượng sử dụng đ ể đánh bạc là 13.310.000đ (*Mười ba triệu ba trăm mười nghìn đồng*).

Tại Kết luận giám định số 239/KL-KTHS ngày 03- 5- 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Y kết luận: T ổng số tiền 13.310.000 đồng (*Mười ba triệu ba trăm mười nghìn đồng*) thu giữ khi bắt quả tang v à thu giữ tr ên người của Trần Phong V ngày 02- 02- 2024 gửi giám định đ ể l à tiền thật (B út lục số 53-54).

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKS-LY ngày 05- 7- 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y đã truy tố các bị cáo: Trần Huy H, Trần Phong V, Nguyễn Văn Kh, Hoàng Văn T, Trần Đình V1, Trương Văn Đ, Hoàng Văn T1, Trần Trường G, Trương Văn H1, Trần Thị Hải N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên t ả trong phiên tranh luận đại diện Viện kiểm s ất nh ân d ân huyện L giữ nguy ền quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng x ất xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Huy H, Trần Phong V, Nguyễn Văn Kh, Hoàng Văn T, Trần Đình V1, Trương Văn Đ, Hoàng Văn T1, Trần Trường G, Trương Văn H1, Trần Thị Hải N phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật H ình sự; xử phạt **Trần Huy H** từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị c ảc ả.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật H ình sự; xử phạt **Trần Phong V** từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật H ình sự; xử phạt **Nguyễn Văn Kh** từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật H ình sự; xử phạt **Hoàng Văn T** từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật H ình sự; xử phạt **Trần Đình V1** từ 09 tháng đến 12 tháng

tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trương Văn Đ** từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Hoàng Văn T1** từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trần Trường G** từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trương Văn H1** từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trần Thị Hải N** từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Khấu trừ từ 05% đến 10% thu nhập sung quỹ Nhà nước.

Đề nghị áp dụng quy định của pháp luật để xử lý vật chứng của vụ án; miễn án phỉn hình sự sơ thẩm cho Trần Huy H và Trương Văn Đ, buộc các bị cáo còn lại phải chịu án phỉn hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa sau khi khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, các bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa cả 10 bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Xuất phát từ mục đích vụ lợi để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, trong khoảng thời gian từ 22 giờ 10 phút đến 22 giờ 30 phút ngày 02- 02- 2024, Trần Huy H cùng với Trần

Phong V, Nguyễn Văn Kh, Hoàng Văn T, Trần Đình V1, Trương Văn Đ, Hoàng Văn T1, Trần Trường G, Trương Văn H1 đã trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng được thua bằng tiền tại quán Karaoke H N thuộc thôn 4 xã T-huyện L- tỉnh Y do Trần Thị Hải N quản lý. Trước khi đánh bạc, các đối tượng cùng thống nhất sau khi đánh bạc xong sẽ trả cho Trần Thị Hải N tiền phục vụ việc dọn dẹp phòng hát, Trần Thị Hải N biết và đồng ý cho các đối tượng đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là 13.310.000 đồng (mười ba triệu ba trăm mười nghìn đồng).

Các bị cáo đều là những người có năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Do đó có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Huy H, Trần Phong V, Nguyễn Văn Kh, Hoàng Văn T, Trần Đình V1, Trương Văn Đ, Hoàng Văn T1, Trần Trường G, Trương Văn H1, Trần Thị Hải N phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y đã truy tố. Cụ thể điều luật quy định như sau:

“Điều 321: Tội đánh bạc:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Đây là vụ án đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, cấu kết chặt chẽ, nhất thời do hám lợi nên nảy sinh ý định vi phạm pháp luật. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Trần Huy H là người khởi xướng việc đánh bạc, mượn địa điểm, chuẩn bị bàn để đánh bạc do đó Hoàng giữ vai trò chính trong vụ án.

Các bị cáo Trần Phong V, Nguyễn Văn Kh, Hoàng Văn T, Trần Đình V1, Trương Văn Đ, Hoàng Văn T1, Trần Trường G, Trương Văn H1 là những người trực tiếp tham gia đánh bạc nên có vai trò ngang nhau sau Trần Huy H.

Trần Thị Hải N tuy không tham gia đánh bạc nhưng đồng ý cho Hoàng và các đối tượng sử dụng địa điểm do mình quản lý để đánh bạc và sẽ được các đối tượng trả tiền dọn dẹp khi kết thúc việc đánh bạc nên Ninh phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm.

Xét về nhân thân: Các bị cáo đều là những người lao động chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi đánh bạc của Trần Huy H, Trần Phong V, Nguyễn Văn Kh, Hoàng Văn T, Trần Đình V1, Trương Văn Đ, Hoàng Văn T1, Trần Trường G, Trương Văn H1, Trần Thị Hải N là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị

cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cả 10 bị cáo được hưởng t ãnh tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật H ãnh sự.

Trần Huy H trong quá trình điều tra còn t ãch cực hợp t ãc với cơ quan điều tra ph ã hiện tội phạm trong qu ã tr ãnh giải quyết vụ ãn ã nên được hưởng th ãm t ãnh tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 điều 51 Bộ luật H ãnh sự.

Ngo ã ra Trần Huy H, Trần Phong V và Trần Thị Hải N c ã bố ã đẻ l ã bệnh binh, được tặng thưởng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất ã nên ba bị cáo này được hưởng t ãnh tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật H ãnh sự.

Như vậy cả 10 bị cáo đều có ãnh thân tốt; có nơi thường trú r ã ràng; kh ãng có tình tiết tăng nặng trách nhiệm ãnh sự quy định tại điều 52; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật H ãnh sự. Hội ãng xét xử chấp ãnh ãề nghị của ãại ã diện Viện kiểm sát, kh ãng cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội; riêng bị cáo Trần Thị Hải N có thể áp dụng ãnh phạt chính là cải tạo kh ãng giam giữ cũng có thể giáo dục cải tạo c ãc bị cáo thành công ãn có ích cho xã hội, ãồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của ãảng và Nhà nước ãối với người lao ãộng nhất thời phạm tội.

Theo kết quả xác ãnh tại ãịa phương, bị cáo Trần Huy H là cá ãnh thuộc hộ nghèo, bị cáo Trương Văn Đ là cá ãnh thuộc hộ cận nghèo ã nên kh ãng áp dụng ãnh phạt bổ sung là phạt tiền ãối với 02 bị cáo này.

Các bị cáo Trần Phong V, Nguyễn Văn Kh, Hoàng Văn T, Trần ãình V1, Hoàng Văn T1, Trần Trường G, Trương Văn H1, Trần Thị Hải N kh ãng thuộc ãien hộ nghèo, cận nghèo; hàng tháng đều có thu ãập, do ãó ngoài ãnh phạt chính, cần phải áp dụng ãnh phạt bổ sung là phạt tiền ãối với 08 bị cáo này và khấu trừ 5% thu ãập hàng tháng sung quỹ Nhà nước ãối với bị cáo bị phạt cải tạo kh ãng giam giữ.

[3] Về vật chứng của vụ ãn:

- ãối với 07 chiếc ãiện thoại ãi ãộng ãã thu giữ, quá trình ãiều tra xác ãịnh kh ãng li ên quan ãành vi phạm tội ã nên Cơ quan Cảnh sát ãiều tra Công an huyện L ãã ra quyết ãịnh trả lại cho các bị cáo, cụ thể như sau: Nguyễn Văn Kh 01 ãiện thoại ãi ãộng kiểu ãáng OPPO màu ãen; Trần Thị Hải N 01 ãiện thoại ãi ãộng kiểu ãáng OPPO màu xanh; Trần Phong V 01 ãiện thoại ãi ãộng kiểu ãáng OPPO màu tím; Trương Văn H1 01 ãiện thoại ãi ãộng kiểu ãáng OPPO màu ãen; Trần Trường G 01 ãiện thoại ãi ãộng kiểu ãáng OPPO màu xanh; Trần ãình V1 01 ãiện thoại ãi ãộng kiểu ãáng Iphone màu xám; Hoàng Văn T 01 ãiện thoại ãi ãộng kiểu ãáng OPPO màu vàng, (Bút lục số 63-69).

- ãối với số tiền 13.310.000 ãồng (*Mười ba triệu ba trăm mười ãgh ã ãồng*) thu giữ tại chiếu bạc và trên người Trần Phong V khi bắt quả tang là số tiền ãùng vào việc ãánh bạc ãần tịch thu, nộp ãân sách nhà nước.

- Các vật chứng còn lại gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng; 01 chiếu nhựa màu vàng; 01 vỏ bài tú lơ khơ; 52 lá bài tú lơ khơ màu vàng, xét thấy kh ãng có giá trị ãần tịch thu tiêu huỷ.

[4] Về ãn phí: Các bị cáo Trần Phong V, Nguyễn Văn Kh, Hoàng Văn T, Trần ãình V1, Hoàng Văn T1, Trần Trường G, Trương Văn H1, Trần Thị Hải N phải chịu ãn phí ãnh sự sơ thẩm theo quy ãịnh của pháp luật. Riêng bị cáo Trần

Huy H là cá nhân thuộc hộ nghèo, bị cáo Trương Văn Đ là cá nhân thuộc hộ cận nghèo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về tội danh, tuyên bố: Các bị cáo Trần Huy H, Trần Phong V, Nguyễn Văn Kh, Hoàng Văn T, Trần Đình V1, Trương Văn Đ, Hoàng Văn T1, Trần Trường G, Trương Văn H1, Trần Thị Hải N phạm tội “Đánh bạc”.

2- Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 điều 321; điểm i, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trần Huy H** 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2.2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trần Phong V** 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

2.3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Nguyễn Văn Kh** 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

2.4. Căn cứ khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Hoàng Văn T** 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

2.5. Căn cứ khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trần Đình V1** 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

2.6. Căn cứ khoản 1 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trương Văn Đ** 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2.7. Căn cứ khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Hoàng Văn T1** 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

2.8. Căn cứ khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trần Trường G** 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

2.9. Căn cứ khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 điều 51; điều 17, điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trương Văn H1** 09 (Chín) tháng tù

cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

2.10. Căn cứ khoản 1, khoản 3 điều 321; điều 36; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Trần Thị Hải N** 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Phạt bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng); khấu trừ 05% thu nhập trong thời gian chấp hành án để sung quỹ nhà nước.

Giao Trần Huy H, Trần Phong V, Nguyễn Văn Kh, Hoàng Văn T, Trần Đình V1, Trương Văn Đ, Hoàng Văn T1, Trần Trường G, Trương Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã T- huyện L- tỉnh Y và gia đình các bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 68, điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao Trần Thị Hải N cho Ủy ban nhân dân xã T- huyện L- tỉnh Y giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại điều 68, điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

3- Về xử lý vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1; điểm a, điểm c khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 13.310.000 đồng (*Mười ba triệu ba trăm mười nghìn đồng*) thu giữ tại chiếu bạc và trên người Trần Phong V khi bắt quả tang.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng; 01 chiếc nhựa màu vàng; 01 vỏ bài tú lơ khơ; 52 lá bài tú lơ khơ màu vàng.

(Số tiền 13.310.000 đồng được niêm phong trong 02 chiếc phong bì sau khi giám định và toàn bộ các vật chứng trên có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 17- 7- 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y).

4- Về án phí Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1 điều 12; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc Trần Phong V, Nguyễn Văn Kh, Hoàng Văn T, Trần Đình V1, Hoàng Văn T1, Trần Trường G, Trương Văn H1, Trần Thị Hải N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo Trần Huy H và Trương Văn Đ.

5- Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**Nơi nhận:

- TAND tỉnh; Sở Tư pháp;
- VKSND huyện; VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, T.A, THS, THAHS.

Phan Duy Đô